

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 16 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,309.73 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Du lịch và giải trí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng gần 2.3 nghìn tỷ trên sàn HSX. Hiện tại, VN-Index đã trở về vùng trước khi đợt giảm mạnh xảy ra, coi như đã tạm lấp được gap giảm. Chỉ số có thể sẽ trải qua một đợt rung lắc tại đây để tạo nền giá sau đợt hồi phục dốc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 14/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+16.30** điểm, đóng cửa tại **1309.73** điểm. HNX-Index **+0.95** điểm, đóng cửa tại **218.88** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.77)**, **BID (+2.78)**, **VPL (+2.59)**, **FPT (+2.42)**, **VPB (+2.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.47)**, **GVR (-0.58)**, **VRE (-0.36)**, **HVN (-0.20)**, **VNM (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,804** tỷ đồng, tăng **4.89%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,346 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.23 điểm. Thị trường có **189** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **122** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **2273.30** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (540.57 tỷ)**, **VPB (321.48 tỷ)**, **MWG (284.54 tỷ)**, **HPG (181.46 tỷ)**, **PNJ (181.23 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.13** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.53%**. Các mã diễn biến tích cực:
VPB (+6.78%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+5.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
BID (+4.61%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.68%**. Các mã diễn biến tích cực:
CMG (+5.40%)
PNJ (+4.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
REE (+4.08%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.53%	0.68%	1.26%	1.09%
1 tuần	2.60%	2.06%	4.75%	5.52%
1 tháng	3.65%	5.07%	5.50%	5.43%
3 tháng	-4.31%	-4.90%	3.10%	4.49%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,309.73	218.88	94.89
% 1D	1.26%	0.44%	0.36%
GTKL (tỷ VND)	22,804	1,369	579
%1D	4.89%	13.86%	-4.07%
GDNN (tỷ VND)	2273.30	6.13	-5.31

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	540.57	VHM	-155.56
VPB	321.48	MSN	-146.46
MWG	284.54	VRE	-114.12
HPG	181.46	VNM	-111.39
PNJ	181.23	VSC	-34.88

Thị trường thế giới

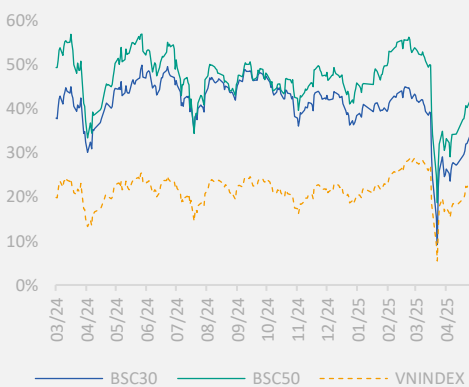
		%D	%W
SPX	5,887	0.72%	4.99%
FTSE100	8,579	-0.28%	0.22%
Eurostoxx	5,378	-0.55%	2.30%
Shanghai	3,404	0.86%	2.00%
Nikkei	38,128	-0.14%	3.49%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.10	-0.80%
Giá vàng	3,231	-0.82%
Tỷ giá		
USD/VND	26,140	0.00%
EUR/VND	29,861	0.76%
JPY/VND	180	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

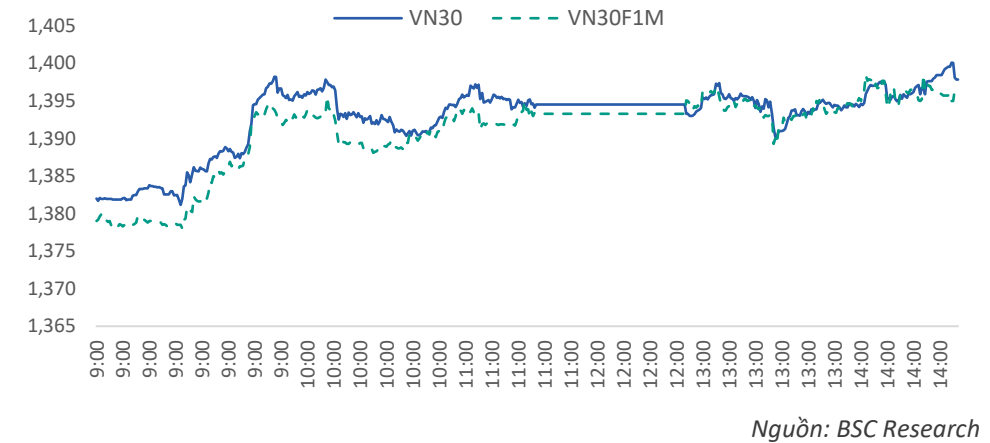
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1395.30	1.35%	113	25.6%	9/18/2025	127
VN30F2512	1396.60	1.40%	105	5.0%	12/18/2025	218
VN30F2505	1396.50	1.20%	237,267	63.7%	5/15/2025	1
VN30F2506	1400.00	1.52%	18,341	217.5%	6/19/2025	36

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +15.09 điểm, đóng cửa tại 1397.87 điểm. Biên độ dao động 24.75 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VPB, HPG, LPB, TCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản cải thiện. Chiến lược là nắm giữ cổ phiếu, long/short linh hoạt với phái sinh trong bối cảnh thị trường sẽ hướng đến kiểm định ngưỡng kháng cự ở phía trên 1,317 - 1,342.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2503	5/26/2025	12	1,824,100	-88.25%	1.90	160	220.0%	8.50	2.22	18.90	18.90
CVPB2401	5/21/2025	7	1,413,000	-88.35%	1.99	110	175.0%	8.90	2.20	18.90	18.90
CVPB2412	6/30/2025	47	594,900	-87.53%	2.28	40	100.0%	8.32	2.36	18.90	18.90
CHPG2402	5/21/2025	7	871,700	-88.29%	2.82	90	80.0%	8.56	3.06	26.15	26.15
CVPB2501	10/27/2025	166	3,577,600	-80.11%	2.00	880	60.0%	8.47	3.76	18.90	18.90
CVPB2507	7/21/2025	68	8,900	-82.93%	2.07	580	56.8%	8.43	3.23	18.90	18.90
CVPB2508	9/19/2025	128	288,600	-82.29%	2.17	590	55.3%	8.38	3.35	18.90	18.90
CACB2504	5/26/2025	12	1,308,000	-89.27%	2.60	30	50.0%	11.10	2.66	24.80	24.80
CVPB2505	6/30/2025	47	112,600	-87.14%	2.10	330	50.0%	16.81	2.43	18.90	18.90
CVPB2409	11/4/2025	174	1,248,800	-82.54%	2.20	550	48.6%	8.37	3.30	18.90	18.90
CVPB2502	3/26/2026	316	119,800	-75.13%	2.10	1,300	41.3%	8.44	4.70	18.90	18.90
CHPG2503	5/26/2025	12	2,409,600	-88.60%	2.70	140	40.0%	11.73	2.98	26.15	26.15
CVPB2407	7/28/2025	75	3,267,100	-86.56%	2.10	110	37.5%	4.21	2.54	18.90	18.90
CVPB2510	2/23/2026	285	110,300	-77.00%	2.37	990	35.6%	8.31	4.35	18.90	18.90
CVPB2509	11/19/2025	189	46,700	-79.33%	2.27	820	34.4%	8.34	3.91	18.90	18.90
CFPT2501	7/28/2025	75	104,700	-85.99%	16.00	170	30.8%	11.05	17.70	126.30	126.30
CTCB2406	6/30/2025	47	40,300	-79.57%	2.80	660	29.4%	5.41	6.10	29.85	29.85
CVPB2506	10/6/2025	145	1,005,500	-84.02%	2.02	500	28.2%	8.46	3.02	18.90	18.90
CFPT2405	8/14/2025	92	129,300	-80.50%	13.41	1,130	27.0%	11.38	24.63	126.30	126.30
CVPB2504	4/9/2026	330	349,100	-69.89%	2.00	1,230	23.0%	5.66	5.69	18.90	18.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 14/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2503 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 220.00%. CVRE2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.14%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	126.30	5.69%	7.99
VPB	18.90	6.78%	3.11
HPG	26.15	1.36%	1.77
LPB	35.70	2.73%	1.69
TCB	29.85	1.53%	1.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	60.40	-2.58%	-2.21
VRE	24.70	-2.76%	-0.89
VNM	56.20	-0.53%	-0.36
SHB	13.00	-0.76%	-0.21
GVR	28.00	-2.27%	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	58.70	3.35%	3.77	8.36
BID	37.45	4.61%	2.78	7.02
VPL	91.40	6.90%	2.59	1.79
FPT	126.30	5.69%	2.42	1.47
VPB	18.90	6.78%	2.33	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	27.60	1.85%	0.18	0.57
DTK	13.00	3.17%	0.17	0.68
HUT	13.10	2.34%	0.17	0.89
SHS	12.80	2.40%	0.16	0.81
PVS	28.00	1.82%	0.15	0.48

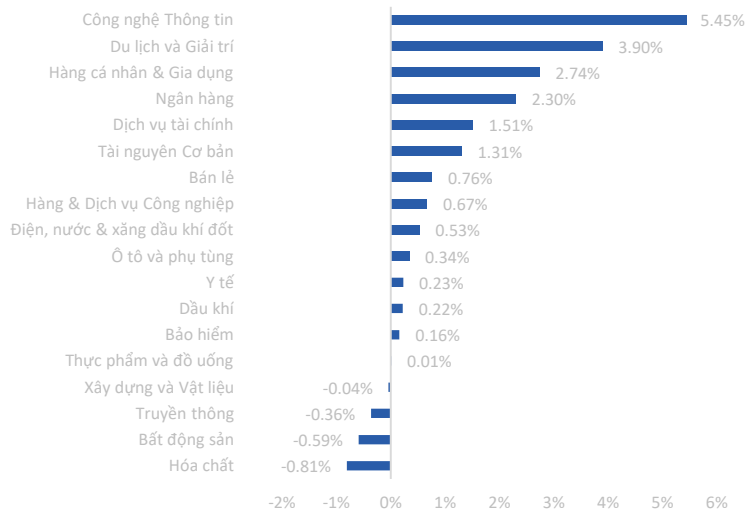
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VAF	20.70	6.98%	0.01	0.00
VNE	4.30	6.97%	0.01	0.94
HAX	14.65	6.93%	0.02	2.15
VPL	91.40	6.90%	2.59	2.10
DHM	7.60	6.89%	0.00	0.43

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PIA	27.70	9.92%	0.04	0.00
UNI	6.80	9.68%	0.10	0.01
TMX	10.40	9.47%	0.02	0.00
ATS	17.50	9.38%	0.02	0.00
VCM	8.20	9.33%	0.02	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	60.40	-2.58%	-1.47	4.11
GVR	28.00	-2.27%	-0.58	4.00
VRE	24.70	-2.76%	-0.36	2.27
HVN	34.45	-1.15%	-0.20	2.21
VNM	56.20	-0.53%	-0.14	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	188.00	-1.36%	-0.32	0.20
DNP	19.50	-8.02%	-0.14	0.14
NVB	10.50	-0.94%	-0.07	1.17
SCG	64.90	-1.67%	-0.06	0.09
NTP	72.20	-0.69%	-0.04	0.14

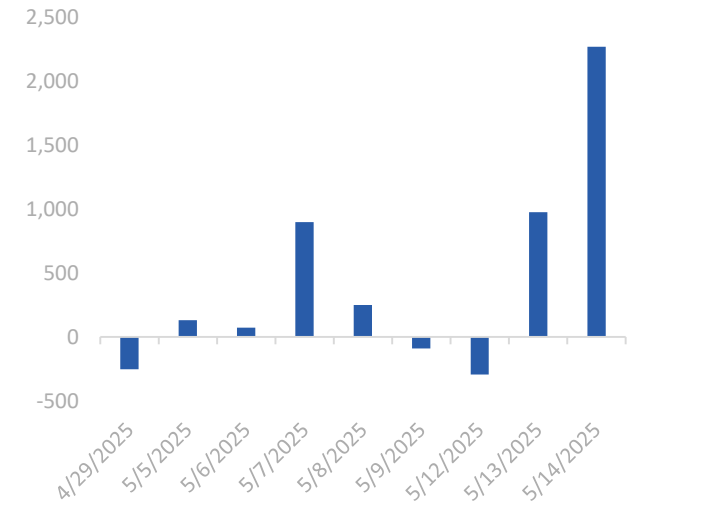
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VSC	22.00	-6.98%	-0.11	9.81
SVC	18.60	-6.53%	-0.02	0.01
CCC	16.45	-6.00%	-0.01	0.24
FUCVREIT	4.90	-5.77%	0.00	0.00
PMG	7.20	-5.26%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	39.60	-8.97%	-0.12	0.00
DNP	19.50	-8.02%	-0.81	3.86
TXM	4.70	-7.84%	-0.01	0.02
SGH	24.00	-7.69%	-0.08	0.00
PHN	65.50	-7.22%	-0.13	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.0	0.8%	1.6	94,652	763.0	2,981	21.5		47.1%	
KBC	Bất động sản	26.0	0.6%	1.7	19,958	158.9	1,629	16.0		16.0%	
KDH	Bất động sản	29.3	0.3%	1.2	29,626	68.6	896	32.7		36.0%	
PDR	Bất động sản	16.8	1.8%	1.7	15,242	162.2	180	93.1	23,600	7.8%	Link
VHM	Bất động sản	60.4	-2.6%	0.9	248,088	956.2	7,766	7.8	58,200	12.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	126.3	5.7%	1.1	187,092	1629.0	5,617	22.5	163,000	41.2%	Link
BSR	Dầu khí	18.2	0.0%	0.0	56,274	44.6	(37)	-493.8		0.3%	
PVS	Dầu khí	28.0	1.8%	1.3	13,383	112.2	2,303	12.2	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.3	1.7%	1.6	18,899	355.4	1,394	18.8		39.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.9	2.1%	1.4	46,889	867.3	1,546	15.5		35.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.7	2.3%	1.6	27,072	603.8	1,602	23.5		30.2%	
DCM	Hóa chất	33.8	0.5%	1.5	17,867	72.6	2,805	12.0	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	93.8	2.4%	1.3	35,623	317.0	8,224	11.4	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	0.8%	0.7	110,773	300.4	3,708	6.7	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.5	4.6%	0.9	262,950	434.2	3,643	10.3	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.6	0.5%	1.0	212,652	369.1	4,806	8.2	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	22.2	1.8%	1.1	77,590	304.4	3,985	5.6		16.9%	
MBB	Ngân hàng	24.5	0.0%	1.0	149,506	727.1	4,049	6.1	28,200	22.6%	Link
MSB	Ngân hàng	11.6	0.9%	1.1	30,030	136.1	2,150	5.4	14,000	27.4%	Link
STB	Ngân hàng	40.0	-0.3%	1.1	75,409	673.8	5,767	6.9		21.0%	
TCB	Ngân hàng	29.9	1.5%	1.2	210,886	630.9	3,013	9.9	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.8	1.5%	0.9	36,459	202.0	2,383	5.8	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	58.7	3.4%	0.6	490,478	605.8	4,063	14.5		22.4%	
VIB	Ngân hàng	18.4	1.7%	1.1	54,667	184.1	2,400	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.9	6.8%	1.1	149,951	2366.3	2,030	9.3	24,000	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.2	1.4%	1.1	167,262	1154.7	1,954	13.4	37,500	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	3.3%	1.7	9,625	272.5	749	20.7	16,800	5.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.1	0.7%	1.4	9,722	248.2	3,930	7.4	32,200	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.3	0.3%	1.5	89,609	1438.4	1,518	41.0		25.2%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.2	-0.5%	0.7	117,455	283.6	4,194	13.4		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	34.6	2.37%	1.6	7,583	89.5	2,098	16.5	18.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	175.0	0.00%	1.0	23,842	186.7	3,279	53.4	32.5%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.2	0.20%	0.9	36,522	19.2	2,975	16.5	26.9%	9.7%	
DIG	Bất động sản	16.0	1.59%	1.6	9,758	224.5	321	49.8	3.2%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.4	0.00%	1.6	14,282	230.8	372	44.1	23.1%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.4	0.65%	1.2	4,174	79.9	436	53.7	3.4%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.7	0.41%	1.4	8,307	46.8	839	29.5	19.6%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.9	1.66%	1.3	14,157	113.0	4,982	8.6	16.8%	31.2%	
NLG	Bất động sản	33.9	1.65%	1.4	13,035	152.6	1,827	18.5	40.5%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.7	-1.27%	0.0	14,674	43.0	6,076	11.5	4.5%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.7	-0.15%	1.4	6,066	99.7	2,036	16.6	2.0%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	18.1	0.28%	1.4	12,061	156.0	1,279	14.1	9.7%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	79.8	0.25%	1.0	305,128	547.2	2,823	28.3	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.7	-2.76%	1.2	56,126	304.3	1,844	13.4	19.7%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	36.1	5.40%	0.9	7,628	89.2	1,654	21.8	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.7	0.42%	0.9	45,360	93.1	1,535	23.3	17.4%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.9	0.53%	1.4	10,478	95.2	1,246	15.1	7.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.1	2.35%	1.8	12,148	144.8	1,650	21.9	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.6	1.85%	1.8	15,809	192.1	1,650	16.7	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.9	-0.16%	0.7	145,011	40.5	4,543	13.6	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	0.78%	1.0	30,210	120.6	606	21.3	3.8%	4.4%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.5	4.08%	1.0	33,677	124.6	4,511	15.9	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	93.0	2.76%	0.6	50,370	188.7	2,825	32.9	12.5%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29.0	3.22%	1.7	26,170	194.7	1,954	14.8	10.1%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.8	-0.18%	1.1	23,447	142.3	3,797	14.7	39.7%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.6	-2.35%	1.4	8,651	163.6	5,594	11.9	12.2%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.1	-0.67%	1.1	7,868	40.3	3,026	7.3	11.0%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	116.0	0.78%	0.0	14,127	100.8	3,235	35.9	6.5%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.0	4.62%	0.9	29,060	239.9	6,105	14.1	48.0%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.3	0.48%	0.9	3,188	73.9	2,869	10.9	49.9%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.8	0.00%	1.3	2,182	10.7	2,580	6.9	16.8%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	34.2	0.74%	1.4	13,364	59.9	1,223	27.9	9.0%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.0	-2.27%	2.0	112,000	158.0	1,174	23.8	0.7%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.9	1.02%	0.9	37,068	236.4	1,856	10.7	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	35.7	2.73%	0.9	106,646	159.0	3,333	10.7	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.3	0.29%	0.0	23,745	18.6	2,809	6.2	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	1.40%	1.0	26,877	30.3	1,189	9.2	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.8	1.99%	1.6	5,729	155.5	1,122	11.4	5.4%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.1	-0.66%	1.4	4,020	18.7	612	24.7	0.7%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	-0.14%	0.7	10,626	82.7	1,440	24.3	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	0.51%	1.0	63,487	59.2	3,217	15.4	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.8	-0.54%	1.2	12,300	80.2	5,601	9.8	22.9%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	151.0	-0.07%	0.8	12,361	35.1	13,288	11.4	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.0	-1.22%	1.3	8,094	89.0	3,238	25.0	48.4%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	96.2	3.00%	1.3	11,004	112.9	4,754	20.2	7.9%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	50.7	-0.59%	1.3	3,194	31.0	3,738	13.6	7.9%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.00%	1.7	5,756	60.3	1,100	11.0	8.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.2	0.23%	1.3	7,940	31.5	1,217	18.3	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.5	0.00%	1.5	12,840	214.3	988	21.7	6.3%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.8	-1.29%	1.5	20,534	29.0	2,720	16.8	5.7%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>